| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**TỈNH BẾN TRE** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Số: **22**/2018/DS-PT
Ngày: 27/4/2018
*V/v: "Thay đổi người nuôi con sau khi ly hôn, yêu cầu cấp dưỡng"*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

**Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Nguyễn Kim Tư
*Cùng các Thẩm phán*: Bà Hồ Thị Thanh Thúy
Bà Nguyễn Thị Ngọc Hương

*Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa*: Bà Võ Thị Cẩm Trang – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

*Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:* Ông Đoàn Văn Sơn – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 13/2018/TLPT-HNGĐ ngày 13/4/2018 về "*Thay đổi người nuôi con sau khi ly hôn, yêu cầu cấp dưỡng*".

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 178/2018/HNGĐ-ST ngày 27/02/2018 C Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 37/2018/QĐ-PT ngày 16/4/2018 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Cù Thị L, sinh năm 1973 (có mặt).

Đăng ký thường trú: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre.

*2. Bị đơn:* Nguyễn Minh C, sinh năm 1970 (có mặt).

Đăng ký thường trú: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Người kháng cáo: Ông Nguyễn Minh C

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo nội dung án sơ thẩm;*

Tại bản án sơ thẩm số 334/2016/HNGĐ – ST, ngày 25 tháng 8 năm 2016 C Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú quyết định như sau:

Về hôn nhân: không công nhận bà và ông Nguyễn Minh C là vợ chồng.

Về con chung: ông C được trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Minh Q, sinh ngày 10/5/2001, ông C không yêu cầu bà cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung bà và ông C: tự thỏa thuận.

Về nợ chung không có.

Theo bà từ khi sinh ra cho đến nay con chung bị bệnh bại liệt bẩm sinh, đi lại khó khăn và không thể tự sinh hoạt được. Sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật, ông C không chăm sóc tốt cho con chung, làm cho tình trạng sức khỏe của con chung ngày càng yếu và thường xuyên bị nhiễm các bệnh. Mặc khác ông C đã có vợ khác nên không quan tâm chăm sóc tốt cho con chung. Do đó bà yêu cầu ông C phải giao con chung tên Nguyễn Minh Q, sinh ngày 10/5/2001 cho bà được trực tiếp nuôi dưỡng, bà yêu cầu ông C phải cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 600.000 đồng, cấp dưỡng cho đến khi con chung có tài sản riêng hoặc tự lao động nuôi sống bản thân.

*Trong quá trình tố tụng tại Tòa án bị đơn Nguyễn Minh C trình bày:*

Ông thừa nhận tại bản án sơ thẩm số 334/2016/HNGĐ – ST, ngày 25 tháng 8 năm 2016 của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú quyết định về hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung đúng như bà L trình bày. Ông biết con chung bị bệnh bại liệt bẩm sinh, đi lại khó khăn và không thể tự sinh hoạt được nên sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật, ông luôn chăm sóc tốt cho con chung; việc bà L cho rằng ông đã có vợ khác nên không chăm sóc tốt cho con chung làm cho tình trạng sức khỏe của con chung ngày càng yếu và thường xuyên bị bệnh là không đúng. Ông thừa nhận hiện nay ông có vợ khác nhưng ông vẫn thương yêu và chăm sóc con chung, bà L chỉ mới tự ý đưa cháu Minh Q về sống chung với bà L từ tháng 6/2017 cho đến nay.

Qua yêu cầu của bà L thì ông đồng ý giao con chung tên Nguyễn Minh Q, sinh ngày 10/5/2001 cho bà L được trực tiếp nuôi dưỡng, ông không đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 600.000 đồng, cấp dưỡng cho đến khi con chung có tài sản riêng hoặc tự lao động nuôi sống bản thân. Lý do ông không đồng ý cấp dưỡng là do trước đây ông và bà L có thỏa thuận bà L giao con chung cho ông trực tiếp nuôi và ông không yêu cầu bà L cấp dưỡng. Do đó tại phiên Tòa ông đồng ý giao con chung cho bà L được trực tiếp nuôi thì bà L cũng không được yêu cầu ông cấp dưỡng.

Tại bản án số 178/2018/HNGĐ-ST ngày 27/02/2018 Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú quyết định:

Căn cứ vào Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, 39, 147, Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 81, 82, 84, 107, 110, 116, 117, 118 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án. Xử:

Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận C bà Cù Thị L và ông Nguyễn Minh C về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn. Bà Cù Thị L được trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Minh Q, sinh ngày 10/5/2001.

Buộc ông Nguyễn Minh C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung Nguyễn Minh Q, sinh ngày 10/5/2001 mỗi tháng 600.000 đồng (sáu trăm ngàn đồng), cấp dưỡng mỗi tháng một lần và cấp dưỡng cho đến khi con chung tên Nguyễn Minh Q có khả năng lao động hoặc có tài sản riêng để tự nuôi mình.

Ông Nguyễn Minh C có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con. Vì lợi ích của con, khi cần thiết bà Cù Thị L và ông Nguyễn Minh C có thể thay đổi việc nuôi con hoặc đóng góp mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 06/3/2018 ông Nguyễn Minh C kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm xét xử lại vụ án đối với phần cấp dưỡng nuôi con. Ông không đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 600.000 đồng/tháng vì hiện tại cháu Nguyễn Minh Q đang lãnh trợ cấp 945.000 đồng/tháng.

Tại phiên Toà phúc thẩm ông C giữ nguyên quan điểm kháng cáo, bà L giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm: Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật C Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự đều thực hiện đúng theo pháp luật tố tụng. Về nội dung: Điều 110 Luật hôn nhân và gia đình quy định cha mẹ phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Khoản trợ cấp xã hội không liên quan đến nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con C cha mẹ. Bà L yêu cầu ông C cấp dưỡng mỗi tháng 600.000 đồng là phù hợp với mức sống ở địa phương. Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 308, bác kháng cáo C ông C, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

## NHẬN ĐỊNH C TOÀ ÁN:

Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, bà L và ông C thống nhất giao cháu Nguyễn Minh Q, sinh ngày 10/5/2001 cho bà L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Bà L yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi cháu Q mỗi tháng là 600.000 đồng. Ông C không đồng ý cấp dưỡng theo yêu cầu C bà L.

Ông C kháng cáo không đồng ý cấp dưỡng nuôi cháu Q hàng tháng với số tiền 600.000 đồng vì ông cho rằng cháu Q đang lãnh trợ cấp mỗi tháng 945.000 đồng. Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, HĐXX nhận thấy: bà L, ông C đều thừa nhận cháu Q bị bại liệt bẩm sinh, không tự sinh hoạt được. Như vậy, đối với trường hợp như cháu Q thì ngoài các khoản chi tiêu hàng ngày ra thì mọi sinh hoạt C cháu đều phải có người chăm sóc, phục vụ. Bà L yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 600.000 đồng là phù hợp với giá cả thị trường tại địa phương ở thời điểm hiện tại. Bản thân ông C đang trong độ tuổi lao động. Mặt khác, tại phiên tòa sơ thẩm, ông C thừa nhận ông có khả năng để cấp dưỡng mỗi tháng 600.000 đồng nhưng ông

không đồng ý cấp dưỡng vì khi ông nuôi cháu Q thì ông cũng không yêu cầu bà L cấp dưỡng. Do vậy, cấp sơ thẩm buộc ông C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 600.00 đồng là có cơ sở. Kháng cáo C ông C là không có căn cứ chấp nhận. Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông C phải nộp án phí phúc thẩm theo quy định.

Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

**QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 1, Điều 308, Bộ luật tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo C ông Nguyễn Minh C, giữ nguyên bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 178/2018/HNGĐ-ST ngày 27/02/2018 C Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú. Tuyên xử:

1. Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận C bà Cù Thị L và ông Nguyễn Minh C về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn. Bà Cù Thị L được trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Minh Q, sinh ngày 10/5/2001.

2. Buộc ông Nguyễn Minh C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung Nguyễn Minh Q, sinh ngày 10/5/2001 mỗi tháng 600.000 đồng (sáu trăm ngàn đồng), cấp dưỡng mỗi tháng một lần và cấp dưỡng cho đến khi con chung tên Nguyễn Minh Q có khả năng lao động hoặc có tài sản riêng để tự nuôi mình.

Ông Nguyễn Minh C có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con. Vì lợi ích của con, khi cần thiết bà Cù Thị L và ông Nguyễn Minh C có thể thay đổi việc nuôi con hoặc đóng góp mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong khoản tiền phải thi hành án thì còn phải bàu lãi suất theo quy định tại khoản 2, Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Minh C phải nộp là 600.000 đồng (sáu trăm ngàn đồng).

Bà Cù Thị L được Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú hoàn trả 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0012022 ngày 28/9/2017.

4. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Minh C phải nộp số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số 0014354 ngày 06/3/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú là đủ.

Trường hợp quyết định, được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự.

Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**
- *Các đương sự;*
- *VKSND tỉnh Bến Tre;*
- *TAND huyện Thạnh Phú;*
- *Chi cục THADS huyện Thạnh Phú;*
- *Phòng GĐKT;*
- *Lưu.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Kim Tư**